

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *M30* /QĐ-UBND

Ninh Thuận, ngày *12* tháng 7 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Ninh Thuận

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 5756/QĐ-BGDĐT ngày 25/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 1161/QĐ-BGDĐT ngày 26/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 2563/QĐ-BGDĐT ngày 10/7/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố thủ tục hành chính được ban hành mới; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế; thủ tục hành chính bị hủy bỏ, bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 3778/QĐ-BGDĐT ngày 21/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 3779/QĐ-BGDĐT ngày 21/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố thủ tục hành chính được thay thế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 3780/QĐ-BGDĐT ngày 21/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 4632/QĐ-BGDĐT ngày 26/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung

hoặc thay thế; thủ tục hành chính được hủy bỏ, bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 4863/QĐ-BGDĐT ngày 09/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-BGDĐT ngày 11/01/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 2260/TTr-SGDĐT ngày 14/6/2019 và ý kiến của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tại Báo cáo số 51 /BC-VPUB ngày 12/7/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Ninh Thuận.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và thay thế:

- Quyết định số 2022/QĐ-UBND ngày 28/11/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Ninh Thuận;

- Các thủ tục hành chính tại Phần A ban hành kèm theo Quyết định số 1316/QĐ-UBND ngày 09/8/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

Điều 3. Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo căn cứ Danh mục thủ tục hành chính được công bố tại Điều 1 Quyết định này có trách nhiệm cung cấp đúng, đầy đủ nội dung, quy trình giải quyết các thủ tục hành chính để Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh niêm yết, công khai thực hiện.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 

- Như Điều 4;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- TT CNTT&TT (Sở TTTT);
- VPUB: LĐ, KGVX;
- Lưu: VT, TTPVHCC. TXS



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Văn Bình

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ
CỦA SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO, TỈNH NINH THUẬN**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 110/QĐ-UBND ngày 12/7/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh)

| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý |
|----------|--|--|--|-------------------------|--|
| I | Lĩnh vực giáo dục và đào tạo | | | | |
| 1 | Thành lập trường trung học phổ thông công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông tư thục | 25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trong đó: - Sở Giáo dục và Đào tạo: 20 ngày làm việc; - UBND tỉnh: 05 ngày làm việc. | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh: Số 44, đường 16/4, thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận. | Không | Quyết định số 4632/QĐ-BGDĐT ngày 26/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo |
| 2 | Cho phép trường trung học phổ thông hoạt động giáo dục | 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | - Như trên - | - Như trên - | - Như trên - |
| 3 | Cho phép trường trung học phổ thông hoạt động trở lại | 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | - Như trên - | - Như trên - | - Như trên - |
| 4 | Sáp nhập, chia tách trường trung học phổ thông | 25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trong đó: - Sở Giáo dục và Đào tạo: 20 ngày làm việc; - UBND tỉnh: 05 ngày làm | - Như trên - | - Như trên - | - Như trên - |

| | | | | | |
|---|--|---|--------------|--------------|--------------|
| | | việc. | | | |
| 5 | Giải thể trường trung học phổ thông (theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường trung học phổ thông) | 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong đó: - Sở Giáo dục và Đào tạo: 10 ngày làm việc; - UBND tỉnh: 05 ngày làm việc. | - Như trên - | - Như trên - | - Như trên - |
| 6 | Thành lập trường trung học phổ thông chuyên công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông chuyên tư thục | 25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trong đó: - Sở Giáo dục và Đào tạo: 20 ngày làm việc; - UBND tỉnh: 05 ngày làm việc. | - Như trên - | - Như trên - | - Như trên - |
| 7 | Cho phép trường trung học phổ thông chuyên hoạt động giáo dục | 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | - Như trên - | - Như trên - | - Như trên - |
| 8 | Cho phép trường trung học phổ thông chuyên hoạt động trở lại | 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | - Như trên - | - Như trên - | - Như trên - |
| 9 | Sáp nhập, chia tách trường trung học phổ thông chuyên | 25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trong đó: - Sở Giáo dục và Đào tạo: 20 ngày làm việc; - UBND tỉnh: 05 ngày làm việc. | - Như trên - | - Như trên - | - Như trên - |

| | | | | | |
|----|---|---|--------------|--------------|--------------|
| 10 | Giải thể trường trung học phổ thông chuyên | 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong đó: - Sở Giáo dục và Đào tạo: 15 ngày làm việc; - UBND tỉnh: 05 ngày làm việc. | - Như trên - | - Như trên - | - Như trên - |
| 11 | Thành lập trường phổ thông dân tộc nội trú | 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong đó: - Sở Giáo dục và Đào tạo: 15 ngày làm việc; - UBND tỉnh 05 ngày làm việc. | - Như trên - | - Như trên - | - Như trên - |
| 12 | Cho phép trường phổ thông dân tộc nội trú có cấp học cao nhất là trung học phổ thông hoạt động giáo dục | 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | - Như trên - | - Như trên - | - Như trên - |
| 13 | Sáp nhập, chia, tách trường phổ thông dân tộc nội trú | 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong đó: - Sở Giáo dục và Đào tạo: 25 ngày làm việc; - UBND tỉnh: 05 ngày làm việc. | - Như trên - | - Như trên - | - Như trên - |
| 14 | Giải thể trường phổ thông dân tộc nội trú (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường) | - 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong đó: - Sở Giáo dục và Đào tạo: | - Như trên - | - Như trên - | - Như trên - |

| | | | | | |
|----|---|---|--------------|--------------|--------------|
| | | 15 ngày làm việc; - UBND thành phố: 05 ngày làm việc. | | | |
| 15 | Thành lập, cho phép thành lập trung tâm ngoại ngữ, tin học | 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | - Như trên - | - Như trên - | - Như trên - |
| 16 | Cho phép trung tâm ngoại ngữ, tin học hoạt động giáo dục | 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ. | - Như trên - | - Như trên - | - Như trên - |
| 17 | Cho phép trung tâm ngoại ngữ, tin học hoạt động giáo dục trở lại | 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ. | - Như trên - | - Như trên - | - Như trên - |
| 18 | Sáp nhập, chia, tách trung tâm ngoại ngữ, tin học | 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ. | - Như trên - | - Như trên - | - Như trên - |
| 19 | Giải thể trung tâm ngoại ngữ, tin học (theo đề nghị của cá nhân tổ chức thành lập trung tâm ngoại ngữ, tin học) | 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ. | - Như trên - | - Như trên - | - Như trên - |
| 20 | Cho phép trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập hoạt động giáo dục | 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ. | - Như trên - | - Như trên - | - Như trên - |
| 21 | Cho phép trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập hoạt động trở lại | 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ. | - Như trên - | - Như trên - | - Như trên - |
| 22 | Thành lập trường trung cấp sư phạm công lập, cho phép thành lập trường trung cấp sư phạm tư thục | 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong đó: - Sở Giáo dục và Đào tạo: 10 ngày làm việc; | - Như trên - | - Như trên - | - Như trên - |

| | | | | | |
|----|--|---|--------------|--------------|--------------|
| | | UBND tỉnh: 05 ngày làm việc. | | | |
| 23 | Sáp nhập, chia, tách trường trung cấp sư phạm | 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong đó: - Sở Giáo dục và Đào tạo: 10 ngày làm việc; - UBND tỉnh: 05 ngày làm việc. | - Như trên - | - Như trên - | - Như trên - |
| 24 | Cho phép hoạt động giáo dục nghề nghiệp trở lại đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ trung cấp | 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | - Như trên - | - Như trên - | - Như trên - |
| 25 | Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ trung cấp | 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | - Như trên - | - Như trên - | - Như trên - |
| 26 | Đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ trung cấp | 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | - Như trên - | - Như trên - | - Như trên - |
| 27 | Thành lập phân hiệu trường trung cấp sư phạm hoặc cho phép thành lập phân hiệu trường trung cấp sư phạm tư thục | 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong đó: - Sở Giáo dục và Đào tạo: 10 ngày làm việc; - UBND tỉnh: 05 ngày làm việc. | - Như trên - | - Như trên - | - Như trên - |

| | | | | | |
|----|--|--|--------------|--------------|--|
| 28 | Cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học | 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | - Như trên - | - Như trên - | - Như trên - |
| 29 | Giải thể trường trung cấp sư phạm (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường trung cấp sư phạm) | 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được công văn đề nghị giải thể của trường, trong đó: - Sở Giáo dục và Đào tạo: 15 ngày làm việc; - UBND tỉnh: 05 ngày làm việc. | - Như trên - | Không | Quyết định số 5756/QĐ-BGDĐT ngày 25/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo |
| 30 | Giải thể phân hiệu trường trung cấp sư phạm (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập phân hiệu) | 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được công văn đề nghị giải thể của trường, trong đó: - Sở Giáo dục và Đào tạo 15 ngày làm việc; - UBND thành phố 05 ngày làm việc. | - Như trên - | - Như trên - | - Như trên - |
| 31 | Thành lập trường năng khiếu thể dục thể thao thuộc địa phương hoặc lớp năng khiếu thể dục, thể thao thuộc trường trung học phổ thông | Không quy định. | - Như trên - | - Như trên - | - Như trên - |
| 32 | Điều chỉnh, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học | 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | - Như trên - | - Như trên - | - Như trên - |
| 33 | Đề nghị được kinh doanh dịch vụ tư vấn du học trở lại | 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ. | - Như trên - | - Như trên - | - Như trên - |

| | | | | | |
|----|--|--|--------------|--------------|--------------|
| 34 | Cấp phép hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa | 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ. | - Như trên - | - Như trên - | - Như trên - |
| 35 | Xác nhận hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa | 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ. | - Như trên - | - Như trên - | - Như trên - |
| 36 | Cấp giấy phép, gia hạn giấy phép tổ chức hoạt động dạy thêm, học thêm có nội dung thuộc chương trình trung học phổ thông | 12 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ. | - Như trên - | - Như trên - | - Như trên - |
| 37 | Cấp giấy chứng nhận chất lượng giáo dục đối với trung tâm giáo dục thường xuyên | 40 ngày làm việc, kể từ khi dự thảo báo cáo đánh giá ngoài được gửi đến trung tâm giáo dục thường xuyên để lấy ý kiến phản hồi. | - Như trên - | - Như trên - | - Như trên - |
| 38 | Xếp hạng Trung tâm giáo dục thường xuyên | 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, trong đó: - Sở Giáo dục và Đào tạo: 25 ngày làm việc; - UBND tỉnh: 05 ngày làm việc. | - Như trên - | - Như trên - | - Như trên - |
| 39 | Công nhận huyện đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ | 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, trong đó: - Sở Giáo dục và Đào tạo: 25 ngày làm việc; - UBND tỉnh: 05 ngày | - Như trên - | - Như trên - | - Như trên - |

| | | | | | |
|----|--|--|--|--------------|--------------|
| | | làm việc. | | | |
| 40 | Chuyển trường đối với học sinh trung học phổ thông | 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ. | - Như trên - | - Như trên - | - Như trên - |
| 41 | Xin học lại tại trường khác đối với học sinh trung học | - 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ. - Việc xin học lại được thực hiện trong thời gian hè trước khi khai giảng năm học mới. | Các cơ sở giáo dục. | - Như trên - | - Như trên - |
| 42 | Cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập riêng cho người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục | Việc chi trả học bổng và hỗ trợ chi phí mua phương tiện, đồ dùng học tập riêng cho người khuyết tật được thực hiện 2 lần trong năm: lần 1 chi trả vào tháng 9 hoặc tháng 10, tháng 11; lần 2 chi trả vào tháng 3 hoặc tháng 4, tháng 5. Việc chi trả học bổng và hỗ trợ chi phí mua phương tiện, đồ dùng học tập phải đảm bảo thuận tiện cho người khuyết tật đi học. Trường hợp người học chưa nhận được chế độ theo thời hạn quy định thì được truy lĩnh trong kỳ chi trả tiếp theo. | - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh: Số 44, đường 16/4, thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận. | - Như trên - | - Như trên - |
| 43 | Xét, duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh trung học phổ | 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ của cơ sở | - Như trên - | - Như trên - | - Như trên - |

| | | | | | |
|----|---|---|--------------|--------------|--------------|
| | thông là người dân tộc Kinh | <p>giáo dục, trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sở Giáo dục và Đào tạo: 05 ngày làm việc; - UBND tỉnh: 03 ngày làm việc. <p>Kinh phí hỗ trợ tiền ăn và tiền nhà ở cho học sinh được chi trả, cấp phát hằng tháng;</p> <p>Gạo được cấp cho học sinh theo định kỳ nhưng không quá 02 lần/học kỳ.</p> | | | |
| 44 | Xét, duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh trung học phổ thông là người dân tộc thiểu số | <p>08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ của cơ sở giáo dục, trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sở Giáo dục và Đào tạo: 05 ngày làm việc; - UBND tỉnh: 03 ngày làm việc. <p>Kinh phí hỗ trợ tiền ăn và tiền nhà ở cho học sinh được chi trả, cấp phát hằng tháng;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gạo được cấp cho học sinh theo định kỳ nhưng không quá 02 lần/học kỳ. | - Như trên - | - Như trên - | - Như trên - |
| 45 | Hỗ trợ học tập đối với học sinh trung học phổ thông các dân tộc thiểu số rất ít người | - Đối với học sinh học tại các cơ Sở giáo dục công lập: Thời hạn ra quyết định là 10 ngày làm việc kể từ | - Như trên - | - Như trên - | - Như trên - |

| | | | | | |
|----|--|---|--------------|-------|--|
| | | <p>ngày hết hạn nhận đơn.</p> <p>- Đối với học sinh học tại các cơ sở giáo dục ngoài công lập: Thời hạn ra quyết định là 40 ngày làm việc kể từ ngày khai giảng năm học.</p> | | | |
| 46 | <p>Đề nghị miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh, sinh viên</p> | <p>a) Phương thức chi trả tiền hỗ trợ chi phí học tập đối với các đối tượng đang học tại các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông công lập.</p> <p>Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập được cấp không quá 09 tháng/năm học và chi trả 2 lần trong năm: Lần 1 chi trả 4 tháng vào tháng 10 hoặc tháng 11; Lần 2 chi trả 5 tháng vào tháng 3 hoặc tháng 4.</p> <p>Phương thức chi trả tiền miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập đối với người học ở các cơ sở giáo dục ngoài công lập; cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học thuộc doanh nghiệp nhà nước, tổ chức kinh tế</p> <p>Kinh phí cấp bù tiền miễn,</p> | - Như trên - | Không | <p>Quyết định số 4863/QĐ-BGDĐT ngày 09/112018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo</p> |

| | | | | | |
|----|-----------------------------|---|--------------|--------------|-----------------------------|
| | | <p>giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập được cấp không quá 9 tháng/năm học (đối với học sinh mầm non và phổ thông), 10 tháng/năm học (đối với học sinh, sinh viên học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp giáo dục đại học) và thực hiện 2 lần trong năm: Lần 1 chi trả 4 tháng (đối với học sinh mầm non và phổ thông), 5 tháng (đối với học sinh, sinh viên học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học) vào tháng 10 hoặc tháng 11; Lần 2 chi trả 5 tháng vào tháng 3 hoặc tháng 4.</p> <p>b) Trường hợp cha mẹ (hoặc người giám hộ) trẻ em học mẫu giáo, học sinh phổ thông, học sinh, sinh viên chưa nhận tiền cấp bù học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo thời hạn quy định thì thuộc trường hợp được hỗ trợ chi phí được truy lĩnh trong kỳ chi trả tiếp theo.</p> | | | |
| 47 | Phê duyệt liên kết giáo dục | 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp | - Như trên - | - Như trên - | Quyết định số 2563/QĐ-BGDĐT |

| | | | | | |
|----|---|--|--------------|--------------|---|
| | | lệ. | | | ngày 10/7/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo |
| 48 | Gia hạn, điều chỉnh hoạt động liên kết giáo dục | - 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ: Trường hợp điều chỉnh liên kết giáo dục trong đó có điều chỉnh chương trình giáo dục tích hợp thì thời gian giải quyết tối thiểu là (không bao gồm thời gian giải quyết của Bộ). | - Như trên - | - Như trên - | - Như trên - |
| 49 | Chấm dứt hoạt động liên kết giáo dục theo đề nghị của các bên liên kết | 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | - Như trên - | - Như trên - | - Như trên - |
| 50 | Cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam | 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | - Như trên - | - Như trên - | - Như trên - |
| 51 | Đăng ký hoạt động của Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam | 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | - Như trên - | - Như trên - | - Như trên - |
| 52 | Chấm dứt hoạt động cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam | 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trong đó: - Sở Giáo dục và Đào tạo: 25 ngày làm việc; - UBND tỉnh: 05 ngày làm | - Như trên - | - Như trên - | - Như trên - |

| | | | | | |
|----|--|--|--------------|--------------|--|
| | | việc. | | | |
| 53 | Cho phép hoạt động giáo dục đối với Cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; Cơ sở giáo dục mầm non; Cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam | 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. | - Như trên - | - Như trên - | - Như trên - |
| 54 | Cho phép hoạt động giáo dục trở lại đối với Cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; Cơ sở giáo dục mầm non; Cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam | 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. | - Như trên - | - Như trên - | - Như trên - |
| 55 | Bổ sung, điều chỉnh quyết định cho phép hoạt động giáo dục đối với đối với Cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; Cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam | 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định | - Như trên - | - Như trên - | - Như trên - |
| 56 | Giải thể cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam | 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trong đó: - Sở Giáo dục và Đào tạo: 25 ngày làm việc; - UBND tỉnh: 05 ngày làm việc. | - Như trên - | - Như trên - | - Như trên - |
| 57 | Công nhận trường mầm non đạt chuẩn Quốc gia | 105 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trong đó: | - Như trên - | - Như trên - | Quyết định số 3778/QĐ-BGDĐT ngày 21/9/2018 của |

| | | | | | |
|----|---|--|--------------|--------------|---|
| | | <ul style="list-style-type: none"> - Phòng Giáo dục và Đào tạo: 10 ngày làm việc; - Sở Giáo dục và Đào tạo: 90 ngày làm việc; - UBND tỉnh: 05 ngày làm việc. | | | Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo |
| 58 | Cấp Chứng nhận trường mầm non đạt kiểm định chất lượng giáo dục | <p>100 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phòng Giáo dục và Đào tạo: 10 ngày làm việc; - Sở Giáo dục và Đào tạo: 90 ngày làm việc. | - Như trên - | - Như trên - | - Như trên - |
| 59 | Cấp Chứng nhận trường trung học đạt kiểm định chất lượng giáo dục | <p>100 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phòng Giáo dục và Đào tạo: 10 ngày làm việc; Sở Giáo dục và Đào tạo: 90 ngày làm việc. | - Như trên - | - Như trên - | Quyết định số 3779/QĐ-BGDĐT ngày 21/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo |
| 60 | Công nhận trường trung học đạt chuẩn Quốc gia | <p>105 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phòng Giáo dục và Đào tạo: 10 ngày làm việc; Sở Giáo dục và Đào tạo: 90 ngày làm việc; - UBND tỉnh: 05 ngày làm việc. | - Như trên - | - Như trên - | - Như trên - |

| | | | | | |
|------------------------------------|--|---|--|---------------|---|
| 61 | Công nhận trường tiểu học đạt chuẩn Quốc gia | 105 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trong đó: - Phòng Giáo dục và Đào tạo: 10 ngày làm việc; Sở Giáo dục và Đào tạo: 90 ngày làm việc; - UBND tỉnh: 05 ngày làm việc. | - Như trên - | Không | Quyết định số 3780/QĐ-BGDĐT ngày 21/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo |
| 62 | Cấp Chứng nhận trường tiểu học đạt kiểm định chất lượng giáo dục | 100 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trong đó: - Phòng Giáo dục và Đào tạo: 10 ngày làm việc; Sở Giáo dục và Đào tạo: 90 ngày làm việc. | - Như trên - | Không | - Như trên - |
| II Lĩnh vực thi, tuyển sinh | | | | | |
| 63 | Đăng ký dự thi cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin | Không quy định. | Trung tâm sát hạch (Trung tâm tin học; trung tâm ngoại ngữ - tin học; trung tâm CNTT). | Theo quy định | Quyết định số 5756/QĐ-BGDĐT ngày 25/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; |
| 64 | Xét tuyển sinh vào trường phổ thông dân tộc nội trú | Không quy định. | - Các trường phổ thông dân tộc nội trú cấp huyện, cấp tỉnh; - Các cơ sở giáo dục có hệ phổ thông dân tộc nội trú; | Không | - Như trên - |

| | | | | | |
|----|--|--|---|-------|--|
| | | | <ul style="list-style-type: none"> - Phòng Giáo dục và Đào tạo; - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Ninh Thuận. | | |
| 65 | Đặc cách tốt nghiệp trung học phổ thông | Không quy định. | <ul style="list-style-type: none"> - Trường trung học phổ thông; - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Ninh Thuận. | Không | - Như trên - |
| 66 | Phúc khảo bài thi trung học phổ thông quốc gia | 15 ngày, kể từ ngày hết hạn nhận đơn phúc khảo. | Hội đồng thi; Ban Phúc khảo; Ban Thư ký Hội đồng thi. | Không | - Như trên - |
| 67 | Xét tuyển học sinh vào trường dự bị đại học | Theo đợt tuyển sinh | <ul style="list-style-type: none"> - Trường dự bị đại học. - Sở Giáo dục và Đào tạo, Số 18, Lê Hồng Phong, thành phố Phan Rang – Tháp Chàm. | Không | - Như trên - |
| 68 | Đăng ký dự thi trung học phổ thông quốc gia | Hồ sơ xét công nhận tốt nghiệp THPT được thí sinh hoàn thiện và nộp tại nơi đăng ký dự thi theo quy định và thời hạn xét duyệt hồ sơ đăng ký dự thi được thực hiện theo hướng dẫn tổ chức thi THPT quốc gia hằng năm của Bộ Giáo dục và Đào tạo. | <ul style="list-style-type: none"> - Sở Giáo dục và Đào tạo, Số 18, Lê Hồng Phong, thành phố Phan Rang – Tháp Chàm; - Cơ quan phối hợp: trường THPT, trung tâm GDTX và các cơ sở giáo dục khác thực hiện chương | Không | Quyết định số 1161/QĐ-BGDĐT ngày 26/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. |

| | | | | | |
|---|--|---|--|-----------------|---|
| | | | trình giáo dục THPT hoặc chương trình GDTX cấp THPT; các đại học, học viện, trường đại học, cao đẳng, cao đẳng nghề; trường trung cấp chuyên nghiệp, trung cấp nghề; tổ chức và cá nhân tham gia kỳ thi. | | |
| III Lĩnh vực hệ thống văn bản, chứng chỉ | | | | | |
| 69 | Cấp bản sao văn bản, chứng chỉ từ sổ gốc | <ul style="list-style-type: none"> - Ngay trong ngày cơ quan, cơ sở giáo dục tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 03 (ba) giờ chiều. - Trong trường hợp yêu cầu cấp bản sao từ sổ gốc được gửi qua bưu điện thì thời hạn được thực hiện ngay sau khi cơ quan, cơ sở giáo dục nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo dấu bưu điện đến; - Đối với trường hợp cùng một lúc yêu cầu chứng thực bản sao từ nhiều sổ gốc, yêu cầu số lượng | - Như trên - | 15.000đ/bản sao | Quyết định số 5756/QĐ-BGDĐT ngày 25/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. |

| | | | | | |
|----|---|--|--|--|--------------|
| | | nhiều bản sao, nội dung văn bằng, chứng chỉ phức tạp khó kiểm tra, đối chiếu mà cơ quan, cơ sở giáo dục không thể đáp ứng được thời hạn quy định tại điểm a khoản 1 Điều này thì thời hạn cấp bản sao được kéo dài thêm không quá 02 (hai) ngày làm việc hoặc có thể dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu cấp bản sao. | | | |
| 70 | Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ | 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ. | - Như trên - | Không | - Như trên - |
| 71 | Công nhận văn bằng tốt nghiệp các cấp học phổ thông do cơ sở nước ngoài cấp | 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Ninh Thuận. | - Xác minh để công nhận văn bằng của người Việt Nam do cơ sở giáo dục nước ngoài đang hoạt động tại Việt Nam cấp là 250.000đ/văn bằng; - Xác minh để công | - Như trên - |

| | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|
| | | | | <p>nhận văn bằng của người Việt Nam do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp sau khi hoàn thành chương trình đào tạo ở nước ngoài là 500.000đ/văn bằng (Thông tư số 164/2016/T T-BTC ngày 25/10/2016 của Bộ Tài chính)</p> | |
|--|--|--|--|--|--|

